

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hữu Bình,
- Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn X 1, phường P, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 10/4/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra to tiếng, đánh cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, nói chuyện để hoà giải mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tháng 11 năm 2022, anh T bỏ về quê ở thôn T, xã

Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị H yêu cầu được ly hôn anh T. Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 11/9/2018 và Nguyễn An K, sinh ngày 22/11/2019. Từ khi anh chị sống ly thân, các con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị H không được anh T tạo điều kiện liên lạc, nói chuyện với con; khi về chơi với con, chị H mua quà cho con thì anh T không nhận. Chị H hiện làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 08 đến 10 triệu đồng/tháng và đang ở chung với bố mẹ nên bố mẹ chị có thể hỗ trợ chị chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn, chị H đề nghị Toà án giao con Nguyễn An K cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Trà M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H tự thoả thuận với anh T về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai, biên bản hoà giải, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Những nội dung chị H trình bày về thời gian, địa điểm kết hôn, tình trạng mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6 năm 2023 khi anh T đón chị H và các con về quê ở thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng sinh sống thì chị H không đồng ý, không chịu về; anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị H yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn. Anh chị có 02 con chung như chị H trình bày. Kể từ khi anh chị sống ly thân, cả 02 con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không có trách nhiệm gì với con. Anh T là lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng 10 đến 11 triệu đồng/tháng, ngoài ra anh T có chỗ ở riêng, em trai anh T chưa xây dựng gia đình có thể hỗ trợ anh T chăm sóc con. Anh T đã chuyển khẩu cho các con ăn học, sinh sống ổn định tại xã Đ, huyện Tiên Lãng. Do đó khi ly hôn, anh T nhận trực tiếp nuôi cả 02 con, tự thoả thuận với chị H về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại phường P, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại nhà mẹ đẻ chị H ở tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra to tiếng, đánh cãi nhau mặc dù đã được gia đình hoà giải nhiều lần. Đến tháng 6 năm 2023, anh T đưa các con về thôn T, xã Đ sinh sống, chị H không về cùng, anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh chị có 02 con chung; trong thời gian anh chị sống ly thân, con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại địa phương, anh T là lao động tự do, thu nhập không ổn định, gia đình thuộc hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hiện anh T đang sinh sống trên nhà đất bố mẹ để lại, em trai anh T chưa có vợ con sinh sống cạnh nhà nên có thể hỗ trợ anh T phần nào việc chăm sóc con.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thay đổi quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập

chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T; giao con Nguyễn An K cho chị H trực tiếp nuôi, giao con Nguyễn Trà M cho anh T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Nguyễn Văn T là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T được xác lập từ ngày 10/4/2018 là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa anh chị phát sinh do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và về việc lựa chọn nơi cư trú. Do mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2023 đến nay, bỏ mặc, không quan tâm nhau. Như vậy, có đủ cơ sở xác định, tình trạng hôn nhân của anh T chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ; việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 11/9/2018 và Nguyễn An K, sinh ngày 22/11/2019. Các đương sự đều có yêu cầu

được trực tiếp nuôi con; trong đó chị H yêu cầu giao cho chị trực tiếp nuôi con Nguyễn An K, giao cho anh T trực tiếp nuôi con Nguyễn Trà MK; anh T yêu cầu giao cả 02 con cho anh trực tiếp nuôi. Xét thấy, chị H và anh T đều có công việc, thu nhập ổn định, đều có điều kiện trực tiếp nuôi con như nhau. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, quyền được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của các đương sự, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao con Nguyễn An K cho chị H trực tiếp nuôi, giao con Nguyễn Trà M cho anh T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, do các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: **Các đương sự phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm (mỗi người phải chịu 25% mức án phí là 75.000 đồng) theo quy định của pháp luật.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Nguyễn Thị H):

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn An K, sinh ngày 22/11/2019 cho chị H trực tiếp nuôi; giao con Nguyễn Trà M, sinh ngày 11/9/2018 cho anh T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị H, anh T mỗi người phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008991 ngày 12/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng nên trả lại chị H 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND phường P, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc (GCNKH số **17/2018**);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyên